

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

[Handwritten signatures of examiners]

Môn học : [22826403] - Thực tập PLC nâng
cao (CCQ2206A)
CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyền (280036)

Số SV có mặt: 18...
Số bài thi: 18...
Số tờ giấy thi: 18...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122060040	Nguyễn Đăng	Khoa	26/06/2004	CCQ2206B		<i>Muon</i>	6.0	6.3	6.2
2	2122060068	Nguyễn Quốc	Lâm	02/08/2004	CCQ2206B		<i>Lam</i>	8.3	6.5	7.2
3	2122060038	Huỳnh Tấn	Lợi	24/10/2004	CCQ2206B		<i>Loi</i>	0.0	0.0	0.0
4	2122060062	Phan Văn	Nguyên	16/06/2003	CCQ2206B		<i>Nguyen</i>	1.7	0.0	0.7
5	2122060036	Trần Văn	Phú	26/05/2004	CCQ2206B		<i>Phu</i>	5.8	6.0	5.9
6	2122060064	Nguyễn Tấn	Phước	22/09/2004	CCQ2206B		<i>Phuoc</i>	8.6	8.8	8.7
7	2122060045	Bùi Anh	Quang	05/05/2003	CCQ2206B		<i>Buon</i>	7.0	6.5	6.7
8	2122060047	Nguyễn Huy	Quyền	24/08/2004	CCQ2206B		<i>Huy</i>	6.3	7.0	6.7
9	2122060076	Nguyễn Thanh	Sáng	25/05/2004	CCQ2206B		<i>Sang</i>	6.0	5.0	5.4
10	2122050073	Phan Hữu	Thi	12/12/2004	CCQ2206B		<i>Thi</i>	7.1	7.5	7.3
11	2122060078	Mã Thanh	Thịnh	19/12/2004	CCQ2206B		<i>Thanh</i>	1.3	0.0	0.5
12	2122060060	Lương Thanh	Tiên	04/08/2004	CCQ2206B		<i>Tien</i>	8.8	9.0	8.9
13	2122060053	Trần Quốc	Toàn	10/05/2004	CCQ2206B		<i>Toan</i>	3.5	0.0	1.4
14	2122060050	Trần Nguyễn Ngọc	Trí	10/01/2004	CCQ2206B		<i>Tri</i>	7.5	6.8	7.1
15	2122170099	Nguyễn Hồng	Trung	01/12/2004	CCQ2206B		<i>Trung</i>	8.5	8.5	8.5
16	2122060056	Nguyễn Đình	Trường	10/08/2004	CCQ2206B		<i>Truong</i>	7.6	6.8	7.1
17	2122060077	Nguyễn Đỗ Lam	Trường	02/11/2004	CCQ2206B		<i>Truong</i>	7.3	6.8	7.0
18	2122060055	Long Quốc	Viên	17/06/2003	CCQ2206B		<i>Vien</i>	8.5	9.0	8.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

[Handwritten signatures and names of examiners]
Nguyễn Khoa NLTuyên Nguyễn Khoa NLTuyên

Môn học : [22826401] - Thực tập PLC nâng
cao (CCQ2206A)
CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)

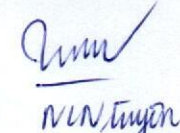
Số SV có mặt: 19...
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: 19...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122060031	Lê Vinh	Bình	06/09/2004	CCQ2206A	<i>Bình</i>	7.1	6.0	6.4
2	2122060022	Ngô Hoàng	Chiến	23/05/2004	CCQ2206A	<i>Chiến</i>	8.5	9.0	8.8
3	2123060001	Vòng Tuấn	Dũng	09/11/1999	CCQ2306A	<i>Đức</i>	7.2	6.5	6.8
4	2122060014	Cao Hoàng	Hải	29/07/2004	CCQ2206A	<i>Hoàng</i>	8.1	7.0	7.4
5	2122060030	Nguyễn Công	Hậu	14/01/2003	CCQ2206A	<i>Chau</i>	8.2	6.8	7.4
6	2122140020	Trần Minh	Hiếu	29/09/2004	CCQ2206A	<i>Hiếu</i>	0,0	0,0	0,0
7	2122060072	Nguyễn Cảnh	Hoàng	16/10/2004	CCQ2206A	<i>Hoàng</i>	8.3	7.8	8.0
8	2122060007	Nguyễn Xuân	Hối	11/02/2000	CCQ2206A	<i>Hối</i>	8.3	7.0	7.5
9	2122060004	Trần Việt	Huyền	03/07/2004	CCQ2206A	<i>Việt</i>	8.7	9.0	8.9
10	2122060026	Trần Văn	Kiệt	25/11/2004	CCQ2206A	<i>Văn Kiệt</i>	8.0	8.0	8.0
11	2122060010	Châu Ngọc	Lân	03/03/2004	CCQ2206A	<i>Lân</i>	8.2	6.8	7.4
12	2122060028	Nguyễn Ngọc	Lân	20/12/2004	CCQ2206A	<i>Lân</i>	7.3	6.0	6.5
13	2122060016	Văn Tấn	Lộc	21/08/2004	CCQ2206A	<i>Lộc</i>	8.3	8.0	8.1
14	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	CCQ2206A	<i>Phước</i>	8.3	9.0	8.7
15	2122060001	Lê Vinh	Quảng	20/01/2000	CCQ2206A	<i>Quảng</i>	8.7	8.0	8.3
16	2122060002	Nguyễn Gia	Quyết	26/01/1999	CCQ2206A	<i>Quyết</i>	8.8	8.5	8.6
17	2122060025	Bùi Thành	Tài	02/06/2003	CCQ2206A	<i>Tài</i>	8.8	9.0	8.9
18	2120060050	Trần Văn	Tâm	07/04/2002	CCQ2006B	<i>Tâm</i>	6.4	8.5	7.7
19	2122060035	Nguyễn Huy	Tuấn	01/01/2004	CCQ2206A	<i>Huy</i>	8.3	8.0	8.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22826406] - Thực tập PLC nâng
cao (CCQ2215C)
CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyền (280036)

Số SV có mặt: 19...
Số bài thi: 19...
Số tờ giấy thi: 19...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150078	Lương Văn Bình	24/10/2004	CCQ2215C			8.0	7.5	7.7
2	2122150090	Nguyễn Văn Chương	17/04/2004	CCQ2215C			7.2	8.8	8.2
3	2122150080	Nguyễn Duy Cường	21/04/2004	CCQ2215C			6.1	5.5	5.7
4	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt	25/04/2004	CCQ2215C			8.2	8.5	8.4
5	2122150068	Ngô Thanh Diệu	14/08/2004	CCQ2215C			6.8	7.0	6.9
6	2122150046	Nguyễn Văn Định	10/11/2004	CCQ2215C			8.0	7.0	7.4
7	2122150077	Nguyễn Duy Đông	15/07/2004	CCQ2215C			7.1	6.3	6.6
8	2122150052	Trần Minh Dương	20/04/2004	CCQ2215C			7.7	6.5	7.0
9	2122150065	Nguyễn Ngọc Hải	28/12/2004	CCQ2215C			8.6	9.0	8.8
10	2122150057	Huỳnh Huy Hùng	17/08/2004	CCQ2215C			7.6	8.0	7.8
11	2122150061	Phạm Văn Hùng	25/08/2004	CCQ2215C			7.4	7.0	7.2
12	2122150054	Đặng Quang Huy	08/04/2003	CCQ2215C			7.7	9.0	8.5
13	2122150060	Nguyễn Quang Huy	07/10/2004	CCQ2215C			5.7	5.5	5.6
14	2122150045	Nguyễn Tấn Huy	24/01/2004	CCQ2215C			6.9	6.0	6.4
15	2122150074	Trần Quang Huy	27/08/2004	CCQ2215C			7.5	7.0	7.2
16	2122150063	Trương Gia Kiện	22/01/2004	CCQ2215C			4.8	5.3	5.1
17	2122150099	Phan Văn Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C			8.9	9.0	9.0
18	2122150044	La Ngọc Lễ	29/08/2004	CCQ2215C			4.8	6.0	5.5
19	2123150071	Cao Nguyên Thái	20/08/2004	CCQ2315B					
20	2122150056	Phan Văn Vi	06/11/2004	CCQ2215D			7.6	8.0	7.8

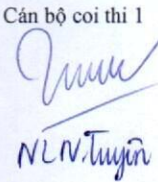
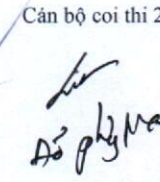
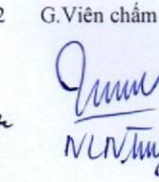
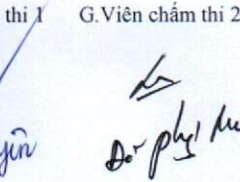
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

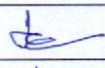
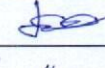
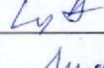
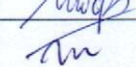
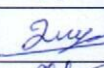
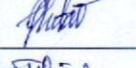
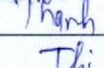
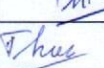
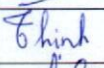
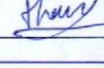
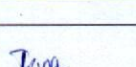
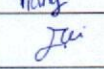
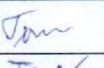
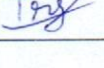
Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22826407] - Thực tập PLC nâng
cao (CCQ2215D)
CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)

Số SV có mặt: 17.....
Số bài thi: 17.....
Số tờ giấy thi: 17.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122110224	Nguyễn Quốc	Hung	09/12/2004	CCQ2214B					
2	2122150083	Lê Đức	Lộc	23/11/2004	CCQ2215D			7.7	6.5	7.0
3	2122150067	Nguyễn Đức	Lộc	23/10/2004	CCQ2215D			7.3	8.5	8.0
4	2122150089	Trương Công	Lý	28/09/2004	CCQ2215D			7.3	7.5	7.4
5	2122150093	Nguyễn Văn	Muróp	27/08/2004	CCQ2215D			7.3	7.5	7.4
6	2122150072	Trần Trung	Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D			6.9	6.0	6.4
7	2122150058	Đinh Hữu Ngõ	Quyền	28/09/2004	CCQ2215D			8.8	9.0	8.9
8	2122140012	Nguyễn Phi	Tài	06/07/1997	CCQ2214A			8.8	9.0	8.9
9	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	16/05/2004	CCQ2215D			6.0	6.0	6.0
10	2122140013	Tô Minh	Thi	04/02/2004	CCQ2214A			9.0	9.0	9.0
11	2122150064	Phan Chí	Thiện	21/11/2004	CCQ2215D			8.3	9.0	8.7
12	2122150085	Võ Đức	Thịnh	16/11/2004	CCQ2215D			8.0	8.5	8.3
13	2122150055	Huỳnh	Thuận	18/09/2004	CCQ2215D			9.0	9.0	9.0
14	2122150073	Vũ Trọng	Thuận	28/08/2004	CCQ2215D			9.0	9.0	9.0
15	2122150062	Bùi Nguyễn Thiên	Toàn	02/09/2004	CCQ2215D					
16	2122140034	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/12/2003	CCQ2214A			8.0	8.0	8.0
17	2122150084	Nguyễn Trọng	Tri	21/09/2004	CCQ2215D			8.5	9.0	8.8
18	2122150092	Châu Thanh	Trọng	22/08/2004	CCQ2215D			8.5	9.0	8.8
19	2122150051	Hồ Đức	Trọng	02/07/2004	CCQ2215D			8.7	8.0	8.3